TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 7

Thời gian làm bài: 30 phút

I. ĐỌC – HIỂU

Chiếc cặp mới

Bố mua cho Nam một chiếc cặp mới. Cặp có màu xanh lam rất đẹp. Phía trước cặp có hình chú thỏ trắng. Nam để sách vở gọn gàng vào trong cặp. Nam rất yêu chiếc cặp của mình.

Đọc bài «Chiếc cặp mới» và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Bài đọc trên có mấy câu?

A. 6 câu **B.** 5 câu **C.** 4 câu

Câu 2. Ai mua cặp mới cho Nam?

A. Bà **B.** Bố **C.** Mẹ

Câu 3. Phía trước chiếc cặp có hình con vật nào?

A. Chú thỏ trắng **B.** Chú mèo con

C. Chú gấu nâu

Câu 4. Tìm và viết tiếng trong bài «Chiếc cặp mới» có vần ach:

Tiếng có vần ach: ……

II. BÀI TẬP

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để thành câu. Cách nối nào đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Bác bảo vệ – đánh trống vào lớp	
b) Chiếc cặp – đựng nhiều sách vở	
c) Bút mực – hót líu lo trên cành	
d) Đàn chim – viết chữ nắn nót	

Bài 2. Điền ng hay ngh vào chỗ chấm:

a) …..ôi nhà

b) …..e nhạc

c) …..ã ba

d) …..ỉ hè

Bài 3. Điền vần ăn hay ăng vào chỗ chấm:

a) kh..... len

b) cây m.....

c) b..... giá

d) thợ s.....

Bài 4. Mỗi từ dưới đây có một tiếng viết sai chính tả. Em hãy viết lại từ cho đúng:

a) cẹo dẻo → .....

b) ká vàng → .....

c) ghà mái → .....

Bài 5. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại: sách vở. / có / nhiều / Trong chiếc cặp

a) Viết lại câu: .....

Bài 6. Chọn từ trong ngoặc (cặp sách, phấn trắng, thước kẻ) điền vào chỗ chấm:

a) Cô giáo dùng ..... để viết lên bảng.

b) Bé dùng ..... để đo chiều dài cuốn sổ.

c) Bé đeo ..... trên vai khi tới trường.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Tiếng Việt lớp 1 · Phiếu số 7

I. Đọc – hiểu

Câu	1	2	3
Đáp án	B	B	A

Câu 4.
Trong bài chỉ có tiếng «sách» mang vần ach.

II. Bài tập

Bài 1.
a) Đ; b) Đ; c) S; d) S

Bài 2.
a) ngôi nhà; b) nghe nhạc; c) ngã ba; d) nghỉ hè.
Nhớ: viết ngh trước e, ê, i; viết ng trước các chữ còn lại.

Bài 3.
a) khăn len; b) cây măng; c) băng giá; d) thợ săn.

Bài 4.
a) «cẹo» sai, sửa thành «kẹo»: kẹo dẻo; b) «ká» sai, sửa thành «cá»: cá vàng; c) «ghà» sai, sửa thành «gà»: gà mái.

Bài 5.
Câu đúng: Trong chiếc cặp có nhiều sách vở.

Bài 6.
a) Cô giáo dùng phấn trắng để viết lên bảng. b) Bé dùng thước kẻ để đo chiều dài cuốn sổ. c) Bé đeo cặp sách trên vai khi tới trường.